

Thứ ba, ngày 19 tháng 6 năm 2018

Vietnam Daily Review

Trạng thái tiêu cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/6/2018		•	
Tuần 18/6-22/6/2018		•	
Tháng 5/2018		•	

Điểm nhấn

- Phiên giao dịch hôm nay chứng kiến thị trường bị bán rất mạnh, tâm lý tiêu cực lan tỏa ngay từ đầu phiên.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm SBT (+0.44 điểm); CII (+0.03 điểm); VCB (+0.00 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm HPG (-4.79 điểm); VNM (-3.71 điểm); MSN (-3.41 điểm); VJC (-2.29 điểm); SAB (-1.37 điểm)
- Tiếp nối lực bán mạnh phiên trước, các cổ phiếu trụ đều có mức giảm rất sâu.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 5,680.4 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 31.05 điểm. Thị trường có 46 mã tăng và 257 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 25.18 điểm, đóng cửa tại 962.16 điểm. Đồng thời, HNX-Index giảm 2.47 điểm còn 110.58 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 119.55 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã HPG (137.45 tỷ), VIC (78.72 tỷ) và VHM (34.44 tỷ). Nhưng họ mua ròng 11.70 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Tiếp nối đà bán ở phiên giao dịch trước, thị trường ngay từ lúc mở đầu phiên giao dịch đã giảm mạnh. Lực bán ngày càng lớn vào giữa phiên chiều, có lúc chỉ số VN-Index giảm trên 40 điểm. Các cổ phiếu trụ chìm trong sắc đỏ, nhiều cổ phiếu rơi về giá sàn. BSC nhận định tâm lý thị trường đang tiêu cực trước động thái bán ròng liên tục của khối ngoại trong thời gian qua, và chưa có tín hiệu hồi phục. Nhà đầu tư nên tránh việc sử dụng margin trong giai đoạn này

Phân tích kỹ thuật: VCB_THEO DÕI

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **962.16**
Giá trị: 3858.5 tỷ **-25.18 (-2.55%)**
Khối ngoại (ròng): -119.5 tỷ

HNX-INDEX **110.58**
Giá trị: 910.9 tỷ **-2.47 (-2.18%)**
Khối ngoại (ròng): 11.7 tỷ

UPCOM-INDEX **51.68**
Giá trị: 228.3 tỷ **-0.88 (-1.67%)**
Khối ngoại (ròng): -14.48 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	65.0	-1.34%
Giá vàng	1,279	0.07%
Tỷ giá USD/VND	22,835	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,555	0.47%
Tỷ giá JPY/VND	20,802	0.71%
LS liên NH 1 tháng	1.7%	-
LS TPCP 5 năm	3.7%	-

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	27.3	HPG	137.6
SSI	23.3	VIC	78.7
STB	9.1	VHM	34.3
HDB	8.5	DXG	12.5
BVH	7.5	BID	9.2

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 2
Câu chuyện cuối tuần	Trang 3
Danh mục khuyến nghị	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

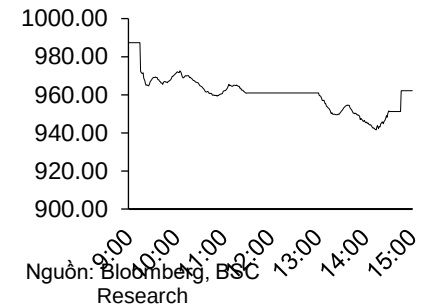
Mã	Thanh	Đóng	Hỗ trợ	Kháng	Trạng thái	Ghi chú
VCB	12.5	56.5	47	60	NGỪNG BÁN	Tăng giá ngắn hạn
CTD	1.8	150.0	59	165	NGỪNG BÁN	Tăng giá trung hạn
VHC	0.6	56.8	22	64	NGỪNG BÁN	Tăng giá ngắn hạn
VIC	10.8	123.0	99	129	MUA	Tăng giá kéo dài
VPB	4.2	29.1	12	32	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
ACV	0.5	85.0	77	97	MUA	Giảm giá kéo dài
TTB	0.5	23.0	18	24	MUA	Tăng giá kéo dài
GMD	0.8	25.9	23	30	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
KSB	0.6	36.4	34	40	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
HNG	1.8	9.3	7	10	MUA	Tăng giá kéo dài

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



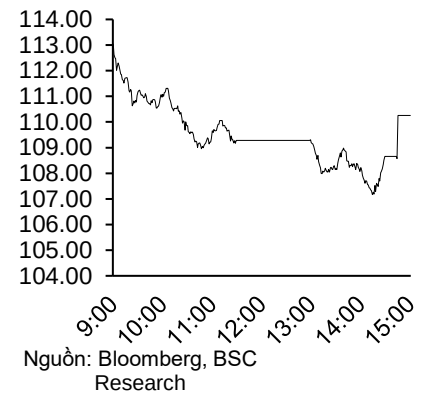
Phân tích kỹ thuật

VCB_Phản ứng tích cực với SMA200, theo dõi

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm điểm trung hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: nằm trên đường tín hiệu và tiến sát về 0
- Chỉ báo RSI: Trung tính
- Khối lượng giao dịch: tăng 2.1 lần so thanh khoản bình quân 20 phiên

Nhận định: VCB là một trong số ít những cổ phiếu trong VN30 còn duy trên SMA200. Cổ phiếu có phản ứng giá tốt sau khi chạm SMA200 và bật tăng trở lại, vượt trên SMA20 với thanh khoản cải thiện mạnh. Dù vậy VCB cũng đã giảm dưới vùng tích lũy đỉnh hồi phục từ 57.5-60 và Parabolic Sar đã đảo chiều trong ngắn hạn. Do vậy VCB tiếp tục theo dõi các phiên tiếp theo. Cân nhắc mua vào theo xu hướng khi VCB vượt 60, mua tích lũy khi VCB không giảm dưới 54 với khối lượng giao dịch trên mức bình quân 20 phiên ở mức 3.1 triệu cổ phiếu.



Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1806	937.9	-3.3%	33.5%
VN30F1807	938.0	-3.8%	189.4%
VN30F1809	948.1	-3.8%	164.0%
VN30F1812	960.1	-4.4%	132.3%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
SBT	15	4.4	0.4
CII	26	0.4	0.0
VCB	57	0.0	0.0
REE	31	-0.3	0.0
NT2	29	-0.7	0.0

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	38	-5	-4.8
VNM	166	-4	-3.7
MSN	80	-5	-3.4
VJC	160	-3	-2.3
SAB	225	-3	-1.4

Thị trường phái sinh

Các chỉ số có phiên biến động mạnh, hồi phục nhẹ cuối phiên hỗ trợ cho thanh khoản thị trường phái sinh tăng mạnh, tiến gần sát mức kỷ lục cũ với 111,177 HĐ hay 10,456 tỷ được giao dịch. Các HĐTL dù vậy vẫn không theo kịp tốc độ hồi phục của VN30 cuối phiên, đưa mức chênh lệch với VN30 lần lượt -0.8%, -0.8%, 0.3% và 1.6% ở các kỳ hạn. Thanh khoản tiếp tục cải thiện mạnh ở 1807 với mức tăng 89% trong khi 1806 đảo hạm trong 2 phiên tới vẫn có mức tăng 34%. Tổng khối lượng đặt mua bằng 1.01 lần tổng khối lượng đặt bán; Trung bình 1 lệnh đặt mua và lệnh đặt bán đều bằng 3.4 hợp đồng.

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
Trung bình							
Nguồn: BSC Research							

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	27.50	99.3%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	38.35	50.6%	57.0	64.3
3	HCM	18/09/2017	41.9	60.00	43.2%	76.0	90.0
4	PDR	2/3/2018	31.1	31.00	-0.4%	34.0	45.0
5	GEX	2/4/2018	36.8	31.40	-14.6%	30.0	50.0
Trung bình					35.6%		
Nguồn: BSC Research							

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	15.5	39.6%	19.5	22.7
2	CTI	29/07/2017	29.7	28.1	-5.4%	31.2	36.3
3	ACB	2/2/2018	41.5	39.0	-6.0%	38.3	47.0
4	VGC	06/04/2018	25.2	21.9	-13.1%	23.2	32.5
Trung bình					3.8%		
Nguồn: BSC Research							

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	115.0	-2.5%	0.5	1,636	9.5	7,866	14.6	5.1	49.0%	42.1%	
PNJ	Bán lẻ	106.0	-6.2%	0.8	757	3.9	4,872	21.8	5.4	49.0%	32.8%	
BVH	Bảo hiểm	82.0	-4.7%	1.5	2,532	1.3	2,371	34.6	3.9	25.3%	11.7%	
PVI	Bảo hiểm	30.0	-0.3%	0.8	305	0.5	2,363	12.7	1.0	43.9%	10.3%	
VIC	Bất động sản	123.0	-0.3%	1.2	14,292	10.8	2,337	52.6	9.2	8.9%	16.3%	
VRE	Bất động sản	39.9	-5.0%	1.1	3,342	4.1	791	50.4	2.9	32.1%	5.7%	
NVL	Bất động sản	50.3	-2.7%	0.8	2,011	6.6	2,534	19.9	3.3	10.7%	18.7%	
REE	Bất động sản	31.4	-0.3%	1.0	429	1.0	4,605	6.8	1.2	49.0%	19.2%	
DXG	Bất động sản	28.7	-5.1%	1.3	433	9.9	2,690	10.7	2.4	42.5%	24.6%	
SSI	Chứng khoán	31.0	-0.8%	1.3	683	12.1	2,602	11.9	1.7	54.9%	14.8%	
VCI	Chứng khoán	82.8	-7.0%	0.9	438	1.4	5,790	14.3	3.3	40.5%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	60.0	-3.8%	1.2	342	1.8	6,048	9.9	2.6	59.9%	28.3%	
FPT	Công nghệ	44.5	-2.0%	0.8	1,203	3.9	4,964	9.0	2.3	49.0%	27.7%	
FOX	Công nghệ	50.0	-2.0%	0.4	498	0.0	3,453	14.5	3.7	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	87.0	-3.3%	1.5	7,335	6.5	5,149	16.9	3.8	3.4%	23.9%	
PLX	Dầu khí	62.5	-3.1%	1.5	3,191	3.5	2,920	21.4	3.4	10.8%	16.0%	
PVS	Dầu khí	16.0	0.0%	1.7	315	3.9	1,786	9.0	0.7	17.1%	7.5%	
BSR	Dầu khí	18.0	-1.1%	0.8	2,459	1.9	#N/A	N/A	#N/A	N/A	54.6%	23.0%
DHG	Dược	100.0	-2.9%	0.6	576	1.0	4,344	23.0	4.7	47.1%	19.5%	
DPM	Hóa chất	16.5	-2.7%	1.0	284	0.5	1,426	11.5	0.8	20.4%	8.0%	
DCM	Hóa chất	10.6	-3.6%	0.6	247	0.3	1,024	10.4	0.9	4.1%	8.7%	
VCB	Ngân hàng	56.5	0.0%	1.5	8,955	12.5	2,888	19.6	3.6	20.5%	19.6%	
BID	Ngân hàng	26.8	-1.8%	1.5	4,036	6.2	2,030	13.2	1.9	2.5%	15.1%	
CTG	Ngân hàng	25.4	-1.7%	1.5	4,166	9.0	2,103	12.1	1.4	30.0%	12.6%	
VPB	Ngân hàng	29.1	-4.0%	1.2	3,106	4.2	2,663	10.9	2.5	23.5%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	27.5	-1.8%	1.1	2,199	9.7	2,301	12.0	1.7	20.0%	15.2%	
ACB	Ngân hàng	39.0	-2.0%	1.0	1,863	14.5	2,568	15.2	2.5	30.0%	17.5%	
BMP	Nhựa	59.7	-3.4%	0.9	215	0.8	5,511	10.8	1.9	73.0%	18.3%	
NTP	Nhựa	47.5	-1.9%	0.4	187	0.0	4,922	9.7	2.0	23.0%	21.7%	
MSR	Tài nguyên	23.5	-2.5%	1.3	745	0.0	286	82.2	1.5	2.1%	1.0%	
HPG	Thép	38.4	-4.6%	0.9	3,588	22.2	3,975	9.6	2.4	39.3%	29.8%	
HSG	Thép	12.2	-4.7%	1.3	207	2.2	2,330	5.2	0.9	22.4%	17.7%	
VNM	Tiêu dùng	166.3	-3.7%	0.6	10,632	8.0	6,234	26.7	9.4	59.5%	35.8%	
SAB	Tiêu dùng	225.0	-3.0%	0.8	6,356	1.1	7,227	31.1	10.0	9.7%	34.8%	
MSN	Tiêu dùng	80.0	-4.8%	1.1	3,712	5.3	3,448	23.2	5.6	29.1%	24.3%	
SBT	Tiêu dùng	15.3	4.4%	0.9	334	2.3	1,115	13.7	1.2	8.0%	7.4%	
ACV	Vận tải	85.0	-3.8%	0.8	8,152	0.5	1,883	45.1	6.8	3.5%	15.9%	
VJC	Vận tải	160.0	-3.0%	1.1	3,181	4.2	11,356	14.1	6.8	24.6%	67.1%	
HVN	Vận tải	33.5	-2.3%	1.8	1,842	1.1	1,727	19.4	2.7	9.0%	14.6%	
GMD	Vận tải	25.9	-3.7%	0.9	329	0.8	5,793	4.5	1.3	20.4%	29.8%	
PVT	Vận tải	15.5	-4.6%	0.8	192	0.5	1,670	9.3	1.1	33.5%	12.6%	
VCS	Vật liệu xây dựng	86.6	-7.5%	1.0	610	2.0	6,408	13.5	5.8	2.5%	57.9%	
VGC	Vật liệu xây dựng	21.9	-5.6%	0.8	433	3.4	1,354	16.2	1.5	34.5%	10.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	12.0	-2.4%	0.7	202	0.1	1,207	9.9	0.9	6.0%	8.7%	
CTD	Xây dựng	150.0	-0.8%	0.7	517	1.8	20,255	7.4	1.5	41.4%	22.0%	
VCG	Xây dựng	16.5	-4.1%	1.5	321	0.6	2,887	5.7	1.1	10.5%	20.4%	
CII	Xây dựng	26.4	0.4%	0.5	286	2.3	1,208	21.9	1.3	57.6%	6.1%	
POW	Điện	12.9	-4.4%	0.5	1,331	0.8	1,026	12.6	1.1	65.4%	9.1%	
NT2	Điện	29.2	-0.7%	0.7	370	0.6	2,646	11.0	1.6	20.8%	14.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SBT	15.30	4.44	0.12	3.68MLN
DRC	23.70	3.04	0.03	341350.00
HNG	9.30	0.87	0.02	4.70MLN
TPB	27.10	0.37	0.02	648860.00
PDN	69.30	6.62	0.02	880.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	166.30	-3.71	-3.00	1.08MLN
TCB	95.00	-5.00	-1.88	2.09MLN
GAS	87.00	-3.33	-1.85	1.74MLN
MSN	80.00	-4.76	-1.49	1.50MLN
SAB	225.00	-3.02	-1.45	112000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVX	3.98	6.99	0.00	10.00
CIG	2.65	6.85	0.00	275770.00
PDN	69.30	6.62	0.02	880.00
RIC	6.21	6.15	0.00	1020.00
COM	56.90	5.37	0.01	10.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SKG	20.50	-8.72	-0.03	79750.00
TMT	7.44	-7.00	-0.01	30470.00
FIT	4.52	-7.00	-0.03	1.31MLN
PGI	17.30	-6.99	-0.04	19110.00
LGL	7.72	-6.99	-0.01	157120.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNP	23.00	6.98	0.04	58700.00
IVS	12.40	9.73	0.02	108800.00
SJ1	19.00	5.56	0.01	100.00
SHN	10.00	1.01	0.01	665000.00
VNT	29.00	5.07	0.01	7600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	39.00	-2.01	-0.67	8.70MLN
SHB	8.50	-3.41	-0.33	12.50MLN
VCS	86.60	-7.48	-0.15	532655.00
VGC	21.90	-5.60	-0.15	3.55MLN
VCG	16.50	-4.07	-0.08	848200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

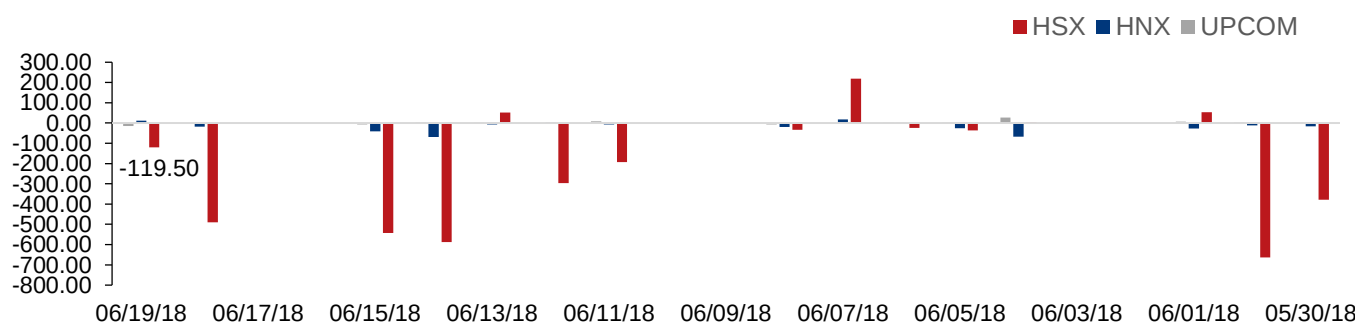
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IVS	12.40	9.73	0.02	108800.00
MHL	5.90	9.26	0.00	100.00
DCS	1.20	9.09	0.01	429100.00
DPS	1.20	9.09	0.00	751500.00
TA9	13.30	9.02	0.01	500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.80	-11.11	-0.01	84019.00
ONE	9.10	-9.90	0.00	31100.00
DID	4.60	-9.80	0.00	10100.00
NHA	9.30	-9.71	-0.01	100.00
KMT	5.80	-9.38	0.00	500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	
13	Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.0	293	47.8	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	29.2	2,646	11.0	1.6	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.3	920	15.5	1.2	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	28.0	206	135.6	1.9	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	39.0	2,568	15.2	2.5	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	33.0	5,102	6.5	1.1	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	17.4	930	18.7	1.5	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	15.5	1,670	9.3	1.1	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	38.4	3,975	9.6	2.4	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	28.7	2,690	10.7	2.4	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	12.1	2,973	4.1	0.8	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	33.5	5,535	6.1	1.9	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	44.5	4,964	9.0	2.3	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	56.5	2,888	19.6	3.6	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	16.0	1,786	9.0	0.7	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	27.5	2,301	12.0	1.7	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	150.0	20,255	7.4	1.5	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	4.8	160	29.8	0.3	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	103.5	18,721	5.5	1.6	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	106.0	4,872	21.8	5.4	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

